

Số: 04/KL-TTr

Phong Thổ, ngày 24 tháng 10 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra việc quản lý thu, chi ngân sách và các nguồn thu khác tại UBND xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ Thời kỳ thanh tra: Niên độ ngân sách năm 2021 - 2022

Thực hiện Quyết định số 12/QĐ-TTr ngày 05/7/2023 của Chánh thanh tra huyện Phong Thổ về việc thanh tra việc quản lý thu, chi ngân sách và các nguồn thu khác tại UBND xã Nậm Xe và UBND xã Sin Suối Hồ huyện Phong Thổ, từ ngày 11/7/2023 đến ngày 22/8/2023, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra trực tiếp tại UBND xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 17/10/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra huyện Phong Thổ kết luận thanh tra như sau:

A - KHÁI QUÁT CHUNG

1. Đặc điểm tình hình

Sin Suối Hồ là xã vùng cao biên giới của huyện Phong Thổ, có đường biên giới phía bắc giáp với huyện Kim Bình, tỉnh Vân Nam Trung Quốc; phía nam giáp với xã Tả Lèng và xã Thèn Sin huyện Tam Đường; phía đông giáp với huyện Bát Xát tỉnh Lào Cai; phía tây giáp với xã Nậm Xe huyện Phong Thổ. Toàn xã có tổng diện tích tự nhiên là 11.428,09 ha, thành phần dân tộc chủ yếu là dân tộc Dao và dân tộc Mông với 949 hộ = 5052 nhân khẩu, trong đó: Dân tộc Mông chiếm 70%, dân tộc Dao chiếm 28,7%, còn lại là dân tộc khác.

2. Thuận lợi

Công tác tài chính, ngân sách của xã luôn được sự quan tâm của UBND huyện và các phòng, ban chuyên môn có liên quan luôn tạo điều kiện thuận lợi; có sự quan tâm lãnh đạo của Đảng ủy - HĐND xã, sự lãnh đạo, quản lý điều hành của UBND xã và công tác phối hợp của các đoàn thể xã, trong việc quản lý thu, chi ngân sách. Công chức kế toán có trình độ chuyên môn đại học, có kinh nghiệm trong công tác.

3. Khó khăn

Là xã vùng cao biên giới, có địa hình và thời tiết diễn biến phức tạp, địa bàn dân cư sinh sống không tập trung; cơ sở hạ tầng còn gặp nhiều khó khăn, nhất là hạ tầng về giao thông; ngân sách đầu tư chủ yếu phụ thuộc vào sự hỗ trợ của ngân sách cấp trên. Trình độ dân trí cơ bản còn thấp nên việc triển khai, tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đến nhân dân còn gặp khó khăn.

B - KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Việc lập dự toán ngân sách của đơn vị

UBND xã đã xây dựng dự toán năm 2021, 2022 theo Công văn hướng dẫn của UBND huyện và đã gửi phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tổng hợp. Tuy nhiên đơn vị không lưu trữ hồ sơ dự toán lập tại đơn vị.

II. Phân bổ, giao dự toán, điều chỉnh và công khai dự toán ngân sách

1. Năm 2021

- UBND xã được UBND huyện giao dự toán thu, chi ngân sách¹ với tổng dự toán thu, chi ngân sách (cả điều chỉnh, bổ sung, chuyển nguồn ngân sách) 7.297.896.000 đồng; UBND xã đã lập phương án phân bổ trình HĐND xã phê duyệt; quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách cho các ban, ngành, đoàn thể xã (cả phần điều chỉnh, bổ sung, chuyển nguồn ngân sách).

- Tổng dự toán thu ngân sách của xã: 7.297.896.000 đồng, trong đó:
- + Thu ngân sách trên địa bàn xã: 13.000.000 đồng;
- + Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên: 6.237.000.000 đồng;
- + Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 121.000.000 đồng;
- + Dự toán điều chỉnh, bổ sung trong năm: 926.896.000 đồng.

2. Năm 2022

- UBND xã được UBND huyện giao dự toán thu, chi ngân sách² với tổng dự toán thu, chi ngân sách (cả điều chỉnh, bổ sung, chuyển nguồn ngân sách) 11.347.216.668 đồng; UBND xã đã lập phương án phân bổ trình HĐND xã phê duyệt; quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách cho các ban, ngành, đoàn thể xã (cả phần điều chỉnh³, bổ sung, chuyển nguồn ngân sách).

- Tổng dự toán thu ngân sách của xã: 11.347.216.668 đồng, trong đó:
- + Thu ngân sách trên địa bàn xã: 13.000.000 đồng;
- + Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên: 5.406.000.000 đồng;
- + Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang: 1.570.000 đồng;
- + Dự toán điều chỉnh, bổ sung trong năm: 5.926.646.668 đồng.

* Nhận xét chung:

- Trên cơ sở các Quyết định giao ngân sách năm 2021, 2022 của UBND huyện, UBND xã đã xây dựng Báo cáo phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2021, 2022 gửi phòng Tài chính - Kế hoạch huyện và trình HĐND xã đảm bảo về nội dung phân bổ theo quyết định giao dự toán của UBND huyện và thời gian quy định⁴; UBND xã thực hiện giao dự toán cho các ban, ngành, đoàn thể xã⁵.

¹. Các Quyết định: số 4638/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách 6.250 triệu đồng; số 08/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 về việc chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang 121 triệu; số 464/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 giao bổ sung 281 triệu đồng; số 884/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 về việc giao bổ sung 40 triệu đồng; số 1050/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 về việc giao bổ sung 470 triệu đồng; số 1981/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 về việc điều chỉnh giảm 08 triệu đồng (giữ lại tại KBNN); số 2143/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 về việc giao bổ sung 41 triệu đồng; số 4588/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 về việc giao bổ sung 102,8 triệu đồng.

². Các Quyết định: số 4368/QĐ-UBND ngày 19/12/2021 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách 5.419 triệu đồng; số 12/QĐ-UBND ngày 08/02/2022 về việc chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang 1,57 triệu đồng; số 1128/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 về việc giao bổ sung 18,1 triệu đồng; số 2925/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 về việc giao bổ sung 4.181 triệu đồng; số 2926/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 về việc giao bổ sung 45,5 triệu đồng; số 3139/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 về việc giao bổ sung 21,8 triệu đồng; số 3289/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 về việc giao bổ sung 54,3 triệu đồng; số 2068/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 về việc giao bổ sung 1.736 triệu đồng.

³. Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của UBND xã về việc điều chỉnh giảm 130,3 triệu đồng.

⁴. Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 29/12/2021 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022.

⁵. Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021; Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022.

- Căn cứ các quyết định điều chỉnh dự toán trong năm 2021,2022 của UBND huyện, UBND xã đã thực hiện điều chỉnh dự toán theo đúng nội dung các quyết định điều chỉnh dự toán của UBND huyện⁶.

- Đã thực hiện công khai dự toán ngân sách và lập các biểu mẫu 108/CKTC-NSNN; 109/CKTC-NSNN; 110/CKTC-NSNN năm 2021⁷ và 2022⁸ theo quy định. Tuy nhiên năm 2021,2022 đơn vị chưa thực hiện công khai dự toán điều chỉnh hoặc bổ sung trong năm; chưa công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý, 6 tháng, năm theo quy định tại Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

III. Việc lập báo cáo và quyết toán ngân sách nhà nước

1. Năm 2021

- Tổng quyết toán thu ngân sách xã: 7.282.909.230 đồng, trong đó:

+ Thu ngân sách địa phương: 18.938.679 đồng;

+ Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang: 121.000.000 đồng;

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 7.142.970.551 đồng.

- Tổng quyết toán chi ngân sách xã: 7.282.909.230 đồng, trong đó:

+ Chi thường xuyên: 5.705.868.585 đồng;

+ Chi chương trình có mục tiêu: 1.549.550.000 đồng;

+ Chi chuyển nguồn sang năm sau: 27.490.645 đồng.

2. Năm 2022

- Tổng quyết toán thu ngân sách xã: 11.296.967.294 đồng, trong đó:

+ Thu ngân sách địa phương: 13.000.981 đồng;

+ Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang: 27.490.645 đồng;

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 11.256.475.668 đồng.

- Tổng quyết toán chi ngân sách xã: 11.296.967.294 đồng, trong đó:

+ Chi thường xuyên: 5.272.211.649 đồng;

+ Chi chương trình có mục tiêu, MTQG: 1.457.294.000 đồng;

+ Chi chuyển nguồn sang năm sau: 4.567.461.645 đồng.

* *Nhận xét chung:*

- Đơn vị đã lập báo cáo quyết toán ngân sách và báo cáo tài chính năm 2021,2022 theo mẫu biểu quy định tại Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

+ Năm 2021: Số liệu quyết toán thu, chi ngân sách đã được HĐND xã phê chuẩn tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 và được phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định quyết toán tại Thông báo số 52a/TBTD-TCKH ngày 28/6/2022.

⁶. Năm 2021: Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 về việc bổ sung dự toán thu, chi ngân sách năm 2021; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 26/9/2021 về việc bổ sung dự toán thu, chi ngân sách năm 2021; Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 về việc bổ sung dự toán năm 2021. Năm 2022: Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 8/12/2022 về việc bổ sung ngân sách năm 2022; Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 về việc bổ sung ngân sách năm 2022; Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 về việc bổ sung ngân sách năm 2022; Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 về việc bổ sung ngân sách năm 2022.

⁷. Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 03/01/2021 về việc công bố, công khai dự toán ngân sách năm 2021.

⁸. Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 03/01/2022 về việc công bố, công khai dự toán ngân sách năm 2022.

+ Năm 2022: Số liệu quyết toán thu, chi ngân sách đã được HĐND xã phê chuẩn tại Nghị quyết số 31/NQ-HĐND, ngày 28/6/2023. Tại thời điểm thanh tra, năm 2022 đơn vị chưa được phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định quyết toán.

- Đơn vị đã mở một số sổ kế toán như: Sổ nhật ký thu, chi quỹ tiền mặt năm 2021,2022; sổ quỹ tiền mặt năm 2021,2022; sổ theo dõi tài sản năm 2021,2022. Tuy nhiên đơn vị chưa mở các loại sổ kế toán cần thiết theo quy định như: Sổ chi tiết hoạt động, sổ theo dõi nguồn kinh phí, sổ nhật ký sổ cái.

IV. Việc chấp hành dự toán chi ngân sách xã

- Đơn vị đã xây dựng và ban hành quy định, định mức chi tiêu ngân sách và quản lý và sử dụng trang thiết bị làm việc, tài sản nhà nước tại đơn vị⁹.

- Thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách cơ bản kịp thời, đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ, đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ được giao; đã thực hiện đối chiếu ngân sách từng quý, năm cơ bản đảm bảo quy định.

1. Kết quả kiểm tra chứng từ chi thường xuyên của đơn vị

1.1. Đối với chi lương, các khoản phụ cấp và một số nội dung chi thường xuyên khác năm 2021:

- Thanh toán thừa phụ cấp thu hút cho ông Chèo Láo Tả - Chỉ huy trưởng quân sự xã tháng 12/2021 với tổng số tiền 2.357.180 đồng.

* *Đối với một số nội dung chi thường xuyên khác:*

- Thanh toán chuyển khoản cho ông Nguyễn Văn Hiệu (phường Đoàn kết, thành phố Lai Châu) ghi theo tên số hóa đơn số 0005507 ngày 03/02/2021 tại GRDT số PRT00000031 ngày 03/02/2021 số tiền 1.725.000 đồng, nội dung: Mua băng zôn tuyên truyền, maket. Tuy nhiên kiểm tra chứng từ chi thiếu hóa đơn mua hàng; thiếu bảng kê khối lượng hàng hóa đã mua với số tiền 1.725.000 đồng.

- Chi hỗ trợ tiền ăn tổ chức hội nghị tổng kết công tác Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ bằng hình thức rút tiền mặt tại GRDT số PRT00000253 ngày 09/12/2021 với tổng số tiền 15.120.000 đồng. Kiểm tra chứng từ chi đơn vị đã cơ bản lập đầy đủ theo quy định. Tuy nhiên, thiếu kế hoạch tổ chức hội nghị của Hội phụ nữ; thiếu danh sách hỗ trợ tiền ăn có ký nhận tiền của đại biểu tham dự hội nghị tổng kết Hội phụ nữ với tổng số tiền 1.890.000 đồng.

- Thanh toán công tác phí bằng hình thức chuyển khoản tại GRDT số PRT00000156 ngày 16/7/2021 số tiền 6.850.000 đồng. Tuy nhiên chứng từ chi thiếu giấy đi đường của ông Tần U Heng với tổng số tiền 952.800 đồng.

- Thanh toán công tác phí bằng hình thức chuyển khoản tại GRDT số PRT00000170 ngày 16/8/2021 số tiền 7.633.400 đồng. Tuy nhiên chứng từ chi thiếu giấy đi đường của ông Phạm Xuân Hải với tổng số tiền 5.570.200 đồng.

⁹. Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2021 về việc ban hành quy định, định mức chi tiêu ngân sách của UBND xã năm 2021; Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của UBND xã năm 2022; Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 04/01/2021 về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng trang thiết bị làm việc, tài sản nhà nước của UBND xã năm 2021; Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng trang thiết bị làm việc, tài sản nhà nước của UBND xã năm 2022.

- Thanh toán công tác phí bằng hình thức chuyển khoản tại GRDT số PRT00000171 ngày 16/8/2021 số tiền 4.096.600 đồng. Tuy nhiên chứng từ chi thiếu giấy đi đường của ông Vàng A Chang với tổng số tiền 476.400 đồng.

- Thanh toán công tác phí bằng hình thức chuyển khoản tại GRDT số PRT00000207 ngày 28/9/2021 số tiền 11.049.800 đồng. Tuy nhiên chứng từ chi thiếu giấy đi đường của ông Sùng A Lùng với tổng số tiền 218.800 đồng.

- Thanh toán công tác phí bằng hình thức chuyển khoản tại GRDT số PRT00000247 ngày 07/12/2021 số tiền 12.913.200 đồng. Tuy nhiên chứng từ chi thiếu giấy đi đường của ông Chèo Quẩy Hòa với tổng số tiền 1.476.400 đồng.

- Chi diễn tập chiến đấu phòng thủ bằng hình thức rút tiền mặt tại GRDT số PRT00000200 ngày 09/9/2021 số tiền 40.051.200 đồng. Kiểm tra chứng từ chi cơ bản đã lập đầy đủ. Tuy nhiên dự toán giao 40.000.000 đồng, đơn vị chi 40.051.200 đồng, như vậy chi vượt nguồn kinh phí được sử dụng số tiền 51.200 đồng.

1.2. Kết quả kiểm tra chứng từ chi thường xuyên và chi một số chương trình có mục tiêu năm 2022:

- Thanh toán thừa phụ cấp thu hút cho ông Chèo Láo Tả - Chỉ huy trưởng quân sự xã tháng 1+2/2022 với tổng số tiền 4.714.360 đồng.

** Đối với một số nội dung chi thường xuyên khác:*

- Chi hỗ trợ vận động viên tham gia giải bóng đá tại huyện tại GRDT số PRT00000341 ngày 22/3/2022 số tiền 20.834.800 đồng. Kiểm tra chứng từ, đơn vị đã lập phiếu thu, phiếu chi; có danh sách cấp phát tiền có đầy đủ chữ ký của người nhận tiền. Tuy nhiên đơn vị chi hỗ trợ tiền ăn, tiền ngủ và tiền xăng xe theo chế độ công tác phí cho 09 người dân¹⁰ tại một số bản Sin Suối Hồ, Sàng Mà Pho, Cẩn Câu là sai đối tượng thụ hưởng tại Khoản 1 Điều 2 Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của tỉnh Lai Châu; không có quyết định chi ngân sách và giấy đi đường làm căn cứ thanh toán cho các cá nhân với tổng số tiền 20.834.800 đồng.

- Chi tổ chức hội nghị triển khai Nghị quyết đại hội phụ nữ xã bằng hình thức rút tiền mặt tại GRDT số PRT00000391 ngày 25/5/2022 số tiền 2.340.000 đồng. Tuy nhiên đơn vị không lập phiếu thu, phiếu chi; chi hỗ trợ tiền ăn cho 04 đại biểu¹¹ tham dự hội nghị vượt định mức 0,5 ngày (theo quy định tại Điểm c¹² Khoản 3 Điều 5 Quyết định 36/2017/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu) với số tiền 180.000 đồng.

- Chi hỗ trợ cho công dân đi khám tuyến nghĩa vụ bằng tiền mặt với số tiền 3.300.000 đồng (tại GRDT số PRT00000371 ngày 10/5/2022). Nội dung hỗ trợ tiền ăn, tiền xăng xe cho 22 công dân tham gia khám tuyến nghĩa vụ quân sự. Tuy nhiên đơn vị không lập phiếu thu, phiếu chi; chi sai quy định, do nội dung này đã được Ban chỉ huy quân sự huyện Phong Thổ đảm bảo kinh phí theo Kế hoạch số 47 và số

¹⁰. Gồm các ông (bà): Vàng A Dơ 1.488.200 đồng; Sùng A Dia 1.488.200 đồng; Sùng A Tính 1.488.200 đồng; Lý A Hồng 1.488.200 đồng; Lý A Chính 1.488.200 đồng; Lý A Chính 1.488.200 đồng; Lý A Súng 1.488.200 đồng; Lý A Sính 1.488.200 đồng; Hảng A Phảo 1.488.200 đồng.

¹¹. Gồm các ông (bà): Bà Thảo Thị Ghênh 45.000 đồng; Hảng Thị Dờ 45.000 đồng; Thảo Thị Gánh 45.000 đồng; Giàng Thị Xế 45.000 đồng.

¹². Điểm c “Đối với các cuộc họp khác thì tùy theo tính chất và nội dung mà bố trí thời gian tiến hành họp lý nhưng không quá 2 ngày”.

48/KH-HĐNVQS ngày 09/11/2021 của HDNV quân sự huyện Phong Thổ và quy định tại Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ.

- Chi hỗ trợ tiền ăn cho các đại biểu tham dự hội nghị rà soát hộ nghèo bằng hình thức rút tiền mặt tại GRDT số PRT00000539 ngày 12/12/2022 số tiền 11.250.000 đồng. Kiểm tra chứng từ đơn vị đã lập phiếu thu, phiếu chi; tuy nhiên không có danh sách hỗ trợ tiền ăn có ký nhận của các đại biểu tham dự hội nghị với tổng số tiền 3.150.000 đồng.

- Thanh toán công tác phí bằng hình thức chuyển khoản tại GRDT số PRT00000357 ngày 25/4/2022 số tiền 14.786.000 đồng. Tuy nhiên, đơn vị chi thừa tiền ngủ cho các cá nhân với tổng số tiền 1.050.000 đồng¹³; chứng từ chi thiếu giấy đi đường của ông Sùng A Lùng với tổng số tiền 50.000 đồng.

- Thanh toán công tác phí bằng hình thức chuyển khoản tại GRDT số PRT00000358 ngày 25/4/2022 số tiền 5.468.000 đồng. Tuy nhiên, đơn vị chi thừa tiền ngủ cho ông Lý Văn Xiên với tổng số tiền 150.000 đồng.

- Thanh toán công tác phí bằng hình thức chuyển khoản tại GRDT số PRT00000387 ngày 26/5/2022 số tiền 17.174.000 đồng. Tuy nhiên, đơn vị chi thừa tiền ngủ cho các cá nhân với tổng số tiền 1.650.000 đồng¹⁴.

- Thanh toán công tác phí bằng hình thức chuyển khoản tại GRDT số PRT00000422 ngày 27/6/2022 số tiền 6.596.000 đồng. Tuy nhiên, đơn vị chi thừa tiền ngủ cho các cá nhân với tổng số tiền 300.000 đồng¹⁵.

- Thanh toán công tác phí bằng hình thức chuyển khoản tại GRDT số PRT00000480 ngày 23/9/2022 số tiền 6.420.000 đồng. Tuy nhiên, đơn vị chi thừa tiền ngủ cho các cá nhân với tổng số tiền 450.000 đồng¹⁶.

- Thanh toán công tác phí bằng hình thức chuyển khoản tại GRDT số PRT00000479 ngày 23/3/2022 số tiền 10.490.000 đồng. Tuy nhiên, đơn vị chi thừa tiền ngủ cho các cá nhân với tổng số tiền 1.050.000 đồng¹⁷; chứng từ chi thiếu giấy đi đường của ông Phạm Xuân Hải với tổng số tiền 1.812.000 đồng, thiếu giấy đi đường của ông Trần Đình Tùng số tiền 50.000 đồng.

- Thanh toán công tác phí bằng hình thức chuyển khoản tại GRDT số PRT00000510 ngày 11/11/2022 số tiền 8.270.000 đồng. Tuy nhiên, đơn vị chi thừa tiền ngủ cho ông Hoàng Văn Đại với số tiền 150.000 đồng; chi công tác phí cho ông Lý Văn Xiên trùng 03 ngày từ ngày 15-17/8/2022 với số tiền 1.002.000 đồng.

- Thanh toán công tác phí bằng hình thức chuyển khoản tại GRDT số PRT00000511 ngày 08/11/2022 số tiền 10.294.000 đồng. Tuy nhiên, đơn vị chi thừa

¹³. Thừa 01 tối ngủ cho 02 cá nhân gồm các ông (bà): Lý Văn Quang 150.000 đồng; Chèo Ú Mây 150.000 đồng; thừa 03 tối ngủ cho ông Sùng A Lùng 450.000 đồng; thừa 02 tối ngủ cho ông Trần Trung Nghĩa 300.000 đồng.

¹⁴. Thừa 02 tối ngủ cho 03 cá nhân: Trần Đình Tùng 300.000 đồng; Sùng A Phùa 300.000 đồng; Lý Văn Quang 300.000 đồng; thừa 04 tối ngủ cho ông Phạm Xuân Hải 600.000 đồng; thừa 01 tối ngủ cho Sùng A Lùng 150.000 đồng

¹⁵. Thừa 01 tối ngủ cho 02 cá nhân gồm: Lý Văn Xiên 150.000 đồng; Hoàng Văn Đại 150.000 đồng.

¹⁶. Thừa 01 tối ngủ cho Lý Văn Xiên 150.000 đồng; thừa 02 tối ngủ cho Trần Đình Tùng 300.000 đồng.

¹⁷. Thừa 03 tối ngủ cho Phạm Xuân Hải 450.000 đồng; thừa 01 tối ngủ cho các ông (bà): Trần Đình Tùng 150.000 đồng, Sùng A Phùa 150.000 đồng, Chèo Ú Mây 150.000 đồng, Lý Văn Quang 150.000 đồng.

tiền ngủ cho các cá nhân với tổng số tiền 750.000 đồng¹⁸; chứng từ chi thiếu giấy đi đường của ông Chèo Quầy Hòa với số tiền 150.000 đồng.

- Thanh toán công tác phí bằng hình thức chuyển khoản tại GRDT số PRT00000525 ngày 08/12/2022 số tiền 10.760.000 đồng. Tuy nhiên, đơn vị chi thừa tiền ngủ cho các cá nhân với tổng số tiền 500.000 đồng¹⁹.

- Thanh toán công tác phí bằng hình thức chuyển khoản tại GRDT số PRT00000527 ngày 08/12/2022 số tiền 7.010.000 đồng. Tuy nhiên, đơn vị chi thừa tiền ngủ cho ông Lý Quốc Bình 02 tối với tổng số tiền 550.000 đồng.

- Chi hỗ trợ tiền xăng xe, tiền ăn cho công dân đi khám tuyến nghĩa vụ quân sự bằng hình thức chi tiền mặt với tổng số tiền 3.600.000 đồng (tại GRDT số PRT00000549 ngày 19/12/2022). Chi sai quy định, do nội dung này đã được Ban chỉ huy quân sự huyện Phong Thổ đảm bảo kinh phí theo quy định tại Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ.

2. Đối với việc chi các chương trình có mục tiêu

2.1. Gói thầu: Cung cấp giống cây địa lan năm 2021:

Dự toán được giao: 700.000.000 đồng; số kinh phí thực hiện: 492.032.000 đồng. Kiểm tra chứng từ chi cơ bản đã lập đầy đủ gồm: Biên bản thương thảo hợp đồng; quyết định chỉ định thầu; hợp đồng mua bán giống cây địa lan; biên bản nghiệm thu; biên bản thanh toán và nghiệm thu thanh lý hợp đồng. Kiểm tra thực tế một số hộ dân tại bản Sin Suối Hồ đã được nhận đủ số lượng cây địa lan theo danh sách cấp phát của UBND xã Sin Suối Hồ, chủng loại hàng hóa nghiệm thu cơ bản đảm bảo theo hợp đồng. Hiện trạng giống cây địa lan đã được các hộ dân tại Bản Sin Suối Hồ trồng và chăm sóc.

2.2. Kinh phí hỗ trợ các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi thiên tai năm 2021:

Dự toán được giao: 791.000.000 đồng; số kinh phí thực hiện: 791.000.000 đồng. Kiểm tra chứng từ chi cơ bản đã lập đầy đủ. Kiểm tra thực tế 12 hộ gia đình tại bản Chàng Phàng và bản Trung Hồ được hỗ trợ, kết quả các gia đình đã nhận đủ tiền theo danh sách cấp phát.

2.3. Gói thầu nâng cấp loa truyền thông không dây năm 2021:

Dự toán được giao: 122.000.000 đồng; số kinh phí thực hiện: 96.789.000 đồng. Kiểm tra chứng từ chi cơ bản lập đầy đủ. Kiểm tra thực tế thiết bị cơ bản đảm bảo về chủng loại, số lượng. Hiện trạng đang được UBND xã sử dụng. Tuy nhiên đơn vị không lập biên bản bàn giao, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

2.4. Chi chúc thọ, mừng thọ:

- Năm 2021: Dự toán được giao: 3.000.000 đồng; số kinh phí thực hiện: 3.300.000 đồng. Đơn vị chi chúc thọ, mừng thọ bằng tiền mặt trực tiếp cho 09 người cao tuổi đảm bảo không vượt định mức quy định tại Nghị quyết 08/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh. Chứng từ chi đơn vị cơ bản đã lập đầy đủ. Tuy nhiên, đơn vị không lập phiếu thu, phiếu chi; dự toán được giao 3.000.000 đồng, thực hiện chi 3.300.000 đồng, vậy chi vượt nguồn kinh phí số tiền 300.000 đồng.

¹⁸. Thừa 01 tối ngủ cho các ông: Chang A Lùng 150.000 đồng; Tần U Heng 150.000 đồng; Chang A Tủa 150.000 đồng; thừa 02 tối ngủ cho ông Chèo Quầy Hòa 300.000 đồng.

¹⁹. Thừa 01 tối ngủ cho: Chang A Tủa 150.000 đồng; Vàng A Vư 150.000 đồng; Mai Văn Chính 200.000 đồng.

- Năm 2022: Dự toán được giao: 14.330.000 đồng; số kinh phí thực hiện: 7.450.000 đồng. Đơn vị chi chúc thọ, mừng thọ bằng tiền mặt trực tiếp cho 18 người cao tuổi đảm bảo không vượt định mức theo quy định tại Nghị quyết 08/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Lai Châu.

2.5. Chi hỗ trợ thôn bản khó khăn: (Theo Nghị quyết số 42/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012 của HĐND tỉnh Lai Châu)

- Năm 2021: Không được giao dự toán.

- Năm 2022: Dự toán được giao: 52.000.000 đồng; số kinh phí thực hiện: 52.000.000 đồng. Đơn vị rút dự toán chi tiền mặt trực tiếp cho các chi hội trưởng (Hội phụ nữ, Chi Đoàn Thanh niên, Cựu chiến binh, Hội nông dân) của 10 bản. Kiểm tra chứng từ chi cơ bản đã lập đầy đủ; chi đảm bảo không vượt định mức theo quy định tại Nghị quyết số 42/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012 của HĐND tỉnh Lai Châu.

2.6. Chi hỗ trợ UBMTTQ xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư: (Theo Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND tỉnh Lai Châu)

- Năm 2021: Dự toán được giao: 80.000.000 đồng; số kinh phí thực hiện: 80.000.000 đồng, trong đó:

+ Hỗ trợ 10 Ban công tác mặt trận bản của 10 bản số tiền 52.000.000 đồng.

+ Hỗ trợ UBMT Tổ quốc xã 28.000.000 đồng, đơn vị chi cho một số nội dung như: mua băng zon, maket ngày đại đoàn kết; chi tiền ăn hội nghị sơ kết, tổng kết; chi khen thưởng gia đình văn hóa. Chứng từ chi cơ bản đã lập đầy đủ; chi không vượt định mức tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND tỉnh Lai Châu.

- Năm 2022: Dự toán được giao: 106.000.000 đồng; số kinh phí thực hiện: 106.000.000 đồng, trong đó:

+ Hỗ trợ 10 Ban công tác mặt trận bản của 10 bản số tiền 52.000.000 đồng.

+ Hỗ trợ UBMT tổ quốc xã 54.000.000 đồng, đơn vị chi cho một số nội dung như: mua băng zon, maket ngày đại đoàn kết; chi tiền ăn hội nghị sơ kết, tổng kết; chi khen thưởng gia đình văn hóa. Chứng từ chi cơ bản đã lập đầy đủ; chi không vượt định mức tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND tỉnh Lai Châu.

* Kiểm tra, xác minh thực tế đối với 01 Trưởng ban công tác mặt trận bản Cấn Câu và 6/10 trưởng bản, chế độ đã được UBND xã Sin Suối Hồ chi trả đầy đủ.

2.7. Chi dự phòng ngân sách xã:

- Năm 2021: Kinh phí dự phòng 120.000.000 đồng²⁰; số kinh phí đã thực hiện: 60.000.000 đồng. Nội dung chi hỗ trợ cho những ngày (trong kỳ từ tháng 05/2021 đến tháng 11/2021) thực hiện nhiệm vụ thường trực chỉ đạo, chống dịch cho 24 người trong Ban chỉ đạo công tác phòng, chống dịch Covid-19. Kiểm tra chứng từ chi đơn vị đã lập cơ bản đầy đủ; có danh sách ký nhận tiền có đầy đủ chữ ký nhận tiền; định mức chi ngày công đảm bảo không vượt tiêu chuẩn, định mức quy định tại

²⁰. Tại Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 (chưa phân bổ chi tiết theo nhiệm vụ).

Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ. Tuy nhiên tại bảng chấm công tháng 6, đơn vị chi thừa 01 ngày của 04 người²¹ với tổng số tiền 400.000 đồng.

- Năm 2022: Kinh phí dự phòng 105.000.000 đồng²². UBND xã không thực hiện nhiệm vụ chi, mà đã điều chỉnh giảm dự toán số tiền 105.000.000 đồng tại quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của UBND xã.

2.8. Chi hỗ trợ đội văn nghệ thôn, bản:

- Năm 2021: Dự toán được giao: 20.000.000 đồng; số kinh phí thực hiện: 20.000.000 đồng. Đơn vị rút tiền mặt chi hỗ trợ trực tiếp cho 10 đội văn nghệ²³ thuộc 10 bản của xã theo định mức 2.000.000 đồng/đội theo quy định tại Quyết định số 241-QĐ/TU ngày 30/9/2016 của Tỉnh ủy về ban hành Đề án Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tư tưởng của Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2016-2020.

- Năm 2022: Dự toán được giao: 60.000.000 đồng; số kinh phí thực hiện: 60.000.000 đồng. Đơn vị rút tiền mặt chi hỗ trợ trực tiếp cho 10 đội văn nghệ²⁴ thuộc 10 bản của xã theo định mức 2.000.000 đồng/đội theo quy định tại Quyết định số 241-QĐ/TU ngày 30/9/2016 của Tỉnh ủy; ngoài ra hỗ trợ thêm cho đội văn nghệ xã Sin Suối Hồ và đội văn nghệ bản Sin Suối Hồ với số tiền 40.000.000 đồng, định mức 20.000.000 đồng/đội theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Lai Châu về việc quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

* Kiểm tra chứng từ chi đơn vị đã lập đầy đủ. Kiểm tra, xác minh thực tế đối với 02 Tổ trưởng của tổ văn nghệ xã Sin Suối Hồ và bản Sin Suối Hồ, chế độ đã được UBND xã Sin Suối Hồ chi trả đầy đủ.

2.9. Kinh phí huấn luyện dân quân tự vệ, hỗ trợ diễn tập phòng thủ:

- Năm 2021: Dự toán giao 84.000.000 đồng; số thực hiện 80.051.200 đồng.

- Năm 2022: Dự toán giao 90.090.000 đồng; số thực hiện 84.110.000 đồng.

* Kiểm tra chứng từ chi năm 2021,2022, đơn vị đã lập cơ bản đầy đủ; có danh sách cấp phát tiền hỗ trợ ngày công có chữ ký của người nhận tiền. Tuy nhiên năm 2022, chi hỗ trợ ngày công cho chiến sĩ huấn luyện vượt định mức theo quy định tại Nghị quyết 45/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh về quy định mức trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng dân quân trên địa bàn tỉnh, với số tiền 175.000 đồng.

2.10. Kinh phí hoạt động công tác tôn giáo:

- Năm 2021: Dự toán được giao: 45.000.000 đồng; số kinh phí thực hiện: 44.970.000 đồng.

- Năm 2022: Dự toán được giao: 50.000.000 đồng; số kinh phí thực hiện: 44.790.000 đồng.

²¹. Thanh toán thừa mỗi người 100.000 đồng gồm: Chèo Láo Tả; Chang A Lùng; Chèo Ú Mây; Lý Văn Quang.

²². Tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 29/12/2021, về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022 (chưa phân bổ chi tiết theo nhiệm vụ).

²³. Gồm các bản: Sàng Mả Pho; Sin Suối Hồ; Cấn Câu; Sân bay; Si Cha Chải; Trung Hồ; Chí Sáng; Dền Sung; Chàng Phàng; Can Hồ.

²⁴. Gồm các bản: Sàng Mả Pho; Sin Suối Hồ; Cấn Câu; Sân bay; Si Cha Chải; Trung Hồ; Chí Sáng; Dền Sung; Chàng Phàng; Can Hồ.

* Kiểm tra chứng từ chi năm 2021,2022, đơn vị đã lập cơ bản đầy đủ. Đơn vị chi hỗ trợ tiền ăn trực tiếp cho những người tham dự hội nghị tuyên truyền, định mức 15.000 đồng/người/buổi; có danh sách hỗ trợ tiền ăn cho các đại biểu tham dự hội nghị có chữ ký đầy đủ của người nhận tiền; chi đảm bảo không vượt tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu.

2.11. Kinh phí hỗ trợ người uy tín: (Theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg)

- Năm 2021: Dự toán được giao: 10.000.000 đồng; số kinh phí thực hiện: 5.000.000 đồng.

- Năm 2022: Dự toán được giao: 10.000.000 đồng; số kinh phí thực hiện: 5.000.000 đồng.

* Kiểm tra chứng từ chi năm 2021,2022, đơn vị đã lập cơ bản đầy đủ. Chi hỗ trợ tiền mặt trực tiếp cho 10 người tại 10 bản, định mức 500.000 đồng/người/năm có danh sách nhận tiền có chữ ký đầy đủ của người nhận tiền; chi đảm bảo không vượt tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành quy định về thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên, đơn vị đã chi sai đối tượng thụ hưởng 01 người là ông Vàng A Pao, sinh năm 1977 tại bản Cấn Câu số tiền 1.000.000 đồng²⁵ (không có tên trong Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 06/02/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2019-2023).

2.12. Kinh phí công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và công tác hòa giải ở cơ sở: (Theo Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của HĐND tỉnh Lai Châu và Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 19/01/2015 của UBND tỉnh Lai Châu)

- Năm 2021: Dự toán được giao: 30.000.000 đồng; số kinh phí thực hiện: 27.000.000 đồng. Nội dung chi phổ thông tài liệu tuyên truyền tại các điểm bản trên địa bàn xã. Chứng từ chi cơ bản đã lập đầy đủ.

- Năm 2022: Dự toán được giao: 30.000.000 đồng; số kinh phí thực hiện: 22.250.000 đồng. Nội dung chi hỗ trợ cho Tổ hòa giải thôn bản; hỗ trợ công tác tuyên truyền; chi mua ma kết, băng zôn tuyên truyền; chi tiền ăn hội nghị tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật. Chứng từ chi được lập cơ bản đầy đủ; chi hỗ trợ đảm bảo không vượt định mức tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 và Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 19/01/2015.

2.13. Chi hỗ trợ theo Nghị Quyết 14/2020/NQ-HĐND tỉnh:

- Năm 2021: Dự toán được giao: 130.000.000 đồng; số kinh phí thực hiện: 125.750.000 đồng.

- Năm 2022: Dự toán được giao: 130.000.000 đồng; số kinh phí thực hiện: 114.100.000 đồng.

²⁵. Năm 2021 được hỗ trợ 500.000 đồng; năm 2022 được hỗ trợ 500.000 đồng.

* Nội dung chi hỗ trợ ngày công cho người trực tiếp làm việc tại bản. Kiểm tra chứng từ chi được lập cơ bản đầy đủ; có danh sách nhận tiền có chữ ký đầy đủ của người nhận tiền; chi đảm bảo không vượt tiêu chuẩn, định mức quy định tại tiết a Khoản 7 Điều 1 Nghị quyết 14/2020/NQ-HĐND tỉnh Lai Châu. Kiểm tra xác minh thực tế đối với 6/10 trường bản: chế độ đã được đơn vị chi trả đầy đủ. Tuy nhiên:

+ Tại GRDT số PRT00000287 ngày 16/12/2021 số tiền 112.750.000 đồng: Đơn vị đã lập phiếu thu, phiếu chi, có các biên bản họp bản kèm theo; có danh sách ký nhận tiền đầy đủ. Tuy nhiên đối chiếu tại bảng chấm công cho 03 người tham gia làm việc ở bản Sân Bay tháng 9/2021 là 18 công, đơn vị thanh toán 24 công, như vậy thanh toán thừa 06 công²⁶ với số tiền 300.000 đồng; thanh toán cho 03 người tham gia làm việc ở bản Sân Bay²⁷ quý 4/2021 có biên bản họp kèm theo, tuy nhiên không có bảng chấm công.

+ Tại GRDT số PRT00000295 ngày 27/12/2021 số tiền 13.000.000 đồng: Đơn vị không lập phiếu thu, phiếu chi; không có bảng chấm công; thiếu danh sách cấp phát tiền hỗ trợ có chữ ký của người nhận tiền; không có các biên bản họp triển khai nội dung công việc tại bản tương ứng với số tiền 6.300.000 đồng.

2.14. Chi mua sắm tập trung:

- Năm 2021: Dự toán được giao: 115.000.000 đồng; số kinh phí thực hiện: 114.800.000 đồng. Đơn vị đã thực hiện mua sắm tập trung theo quy định. Nội dung mua sắm gồm: 01 bộ máy vi tính để bàn; 02 máy vi tính xách tay; 01 máy photocopy và 01 máy in. Chứng từ chi được lập cơ bản đầy đủ. Kiểm tra thực tế tài sản đúng chủng loại, số lượng theo hợp đồng mua sắm; hiện trạng đang được sử dụng bình thường tại đơn vị. Tuy nhiên thiếu biên bản giao nhận tài sản; tại hợp đồng mua sắm tài sản²⁸ cho thấy đơn vị mua 02 máy vi tính xách tay với tổng số tiền 30.000.000 đồng, như vậy chi vượt dự toán 15.000.000 đồng theo quyết định giao dự toán của UBND huyện²⁹.

- Năm 2022: Dự toán được giao: 50.000.000 đồng; số kinh phí thực hiện: 50.000.000 đồng. Đơn vị đã thực hiện mua sắm tập trung theo quy định. Nội dung mua sắm gồm 02 bộ máy vi tính để bàn và 02 máy in. Chứng từ mua sắm cơ bản được lập đầy đủ. Kiểm tra thực tế tài sản mua sắm đúng chủng loại, số lượng theo hợp đồng, biên bản nghiệm thu.

2.15. Chi hỗ trợ bảo vệ môi trường theo: (Theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020)

- Năm 2022: Dự toán được giao 100.000.000 đồng; số kinh phí thực hiện: 99.000.000 đồng. Nội dung chi hỗ trợ cho những người làm việc trong tổ tự quản thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường của 10 bản. Đơn vị rút tiền mặt về chi trả cho 10 trường bản số tiền 9.900.000 đồng/bản, định mức 1.100.000 đồng/người/tháng x

²⁶. Gồm các ông (bà): Sùng A Vàng 100.000 đồng; Vàng A Kỳ 100.000 đồng; Hoàng Thị Mái 100.000 đồng.

²⁷. Gồm các ông bà: Sùng A Vàng 1.350.000 đồng; Vàng A Kỳ 600.000 đồng; Hoàng Thị Mái 1.050.000 đồng.

²⁸. Hợp đồng mua sắm tài sản giữa UBND xã và Công ty TNHH Tân Tiến Điện Biên ký ngày 31/5/2021; Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 09/7/2021; Bảng xác định khối lượng công việc hoàn thành ngày 09/7/2021.

²⁹. Quyết định số 4638/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách 6.250 triệu đồng. Trong đó: Kinh phí được UBND huyện giao gồm máy vi tính để bàn 30.000.000 đồng; máy vi tính xách tay 15.000.000 đồng; máy in 10.000.000 đồng; máy photocopy 60.000.000 đồng.

03 tháng; có danh sách ký nhận tiền đầy đủ. Kiểm tra xác minh thực tế đối với 6/10 trường bản, chế độ đã được đơn vị chi trả đầy đủ.

V. Việc thu, chi quản lý sử dụng các khoản phí, lệ phí tại UBND xã và các khoản thu đóng góp của nhân dân

1. Thu phí, lệ phí và các khoản thu khác tại địa phương

- Năm 2021: Số liệu quyết toán thu phí, lệ phí 18.938.679 đồng, trong đó: số UBND xã đã nộp ngân sách nhà nước 16.732.000 đồng, số thu điều tiết từ cơ quan thuế chuyển sang 2.215.679 đồng³⁰.

- Năm 2022: Số liệu quyết toán thu phí, lệ phí 13.000.981 đồng, trong đó: số UBND xã đã nộp ngân sách nhà nước 8.164.000 đồng, số thu điều tiết từ cơ quan thuế chuyển sang 4.836.981 đồng³¹.

2. Việc thu, chi các khoản quỹ công chuyên dùng

Trong năm 2021,2022 không thực hiện thu các khoản quỹ công chuyên dùng.

3. Các hoạt động tài chính của thôn, bản

Trong năm 2021,2022 UBND xã không thực hiện thu các khoản quỹ đóng góp từ nhân dân; không quản lý khoản quỹ hoạt động nào của thôn, bản trên địa bàn xã.

C - KẾT LUẬN

1. Ưu điểm, kết quả đạt được

- Về công tác lập dự toán: Đơn vị đã xây dựng dự toán năm 2021,2022 gửi phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tổng hợp.

- Về việc phân bổ, giao dự toán, điều chỉnh và công khai dự toán ngân sách năm 2021,2022: Đơn vị đã xây dựng báo cáo phân bổ dự toán thu, chi ngân sách gửi phòng Tài chính - Kế hoạch huyện và trình HĐND xã đảm bảo về nội dung phân bổ theo quyết định giao dự toán của UBND huyện; quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách cho các đoàn thể thuộc xã; thực hiện công khai dự toán ngân sách và lập các biểu mẫu cơ bản theo quy định; đã thực hiện điều chỉnh tăng, giảm dự toán theo đúng nội dung các quyết định giao tăng, giảm dự toán của UBND huyện.

- Đã thực hiện lập báo cáo quyết toán ngân sách và báo cáo tài chính năm 2021,2022 theo mẫu biểu tại Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính. Đã mở một số sổ kế toán như: Sổ nhật ký thu, chi quỹ tiền mặt năm 2021,2022; sổ quỹ tiền mặt năm 2021,2022; sổ theo dõi tài sản năm 2021,2022.

- Đã xây dựng và ban hành quy định, định mức chi tiêu ngân sách và quản lý và sử dụng trang thiết bị làm việc, tài sản nhà nước; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách cơ bản kịp thời, đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ; đã thực hiện đối chiếu ngân sách từng quý, năm theo quy định.

2. Tồn tại, hạn chế

- Đơn vị không lưu trữ hồ sơ dự toán lập năm 2021,2022 tại đơn vị.

- Chưa thực hiện công khai dự toán phần điều chỉnh hoặc bổ sung trong năm,

³⁰. Biểu Báo cáo thu và vay của ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách niên độ 2021 ngày 06/10/2023 của Kho bạc nhà nước huyện số tiền 2.215.679 đồng.

³¹. Biểu Báo cáo thu và vay của ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách niên độ 2022 ngày 06/10/2023 của Kho bạc nhà nước huyện Phong Thổ số tiền 4.836.981 đồng.

công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý, 6 tháng, năm theo quy định tại Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016.

- Một số nội dung chi chứng từ còn chưa lập đầy đủ như: chi mua vật tư, văn phòng phẩm; chi hội nghị; chi mua sắm tập trung.

- Một số nội dung chi còn vượt định mức, không đảm bảo quy định như: Chi công tác phí; chi Ban chỉ đạo phòng, chống covid-19; chi hỗ trợ khám tuyến nghĩa vụ quân sự; chi chúc thọ, mừng thọ; chi huấn luyện dân quân tự vệ.

- Đơn vị chưa mở một số loại sổ kế toán cần thiết như: Sổ chi tiết hoạt động; sổ theo dõi nguồn kinh phí; sổ nhật ký sổ cái.

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Chủ tịch UBND xã chưa quan tâm đúng mức, chưa quyết liệt trong việc chỉ đạo, đôn đốc, nhắc nhở kế toán trong việc chấp hành: công khai dự toán theo quy định tại Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính; việc mở sổ kế toán; việc lập, lưu trữ hồ sơ, chứng từ kế toán; chưa kiểm tra, kiểm soát kỹ chứng từ chi trước khi ký phê duyệt chi thanh toán, đã dẫn đến sai phạm phải thu hồi nộp ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó trình độ và năng lực về quản lý tài chính, ngân sách có mặt còn hạn chế, chưa sâu.

- Kế toán của UBND xã chưa chấp hành tốt việc công khai dự toán ngân sách theo quy định; chưa chấp hành quy định về mở sổ kế toán; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ công tác còn hạn chế; chưa nghiên cứu kỹ một số văn bản có liên quan để thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách đảm bảo đúng quy định.

4. Trách nhiệm chính về những tồn tại, hạn chế, khuyết điểm

- Ông Chèo Quỳ Hòa - Chủ tịch UBND xã Sin Suối Hồ, chịu trách nhiệm chính trong việc chưa thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, chỉ đạo, đôn đốc, nhắc nhở công chức kế toán trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao; chưa chặt chẽ trong việc kiểm tra, kiểm soát chứng từ chi trước khi phê duyệt chi thanh toán dẫn đến sai phạm phải thu hồi, nộp ngân sách nhà nước số tiền 68.636.140 đồng.

- Ông Phạm Xuân Hải - Kế toán UBND xã Đào San (nguyên kế toán UBND xã Sin Suối Hồ), chịu trách nhiệm chính trong việc: Để xảy ra những tồn tại hạn chế về công tác quản lý tài chính, ngân sách và quy định về kế toán đã chỉ ra ở trên; kiểm tra, kiểm soát chứng từ, điều kiện, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách chưa chặt chẽ nhưng đã trình chủ tịch UBND xã ký duyệt chi ngân sách sai quy định, dẫn đến sai phạm phải thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền 68.636.140 đồng.

- Ông Chèo Láo Tả - Chỉ huy trưởng quân sự, kiêm thủ quỹ xã, chịu trách nhiệm trong việc chưa phối hợp tham mưu lập đầy đủ phiếu thu, phiếu chi tiền mặt ở một số nội dung chi ngân sách.

D - CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG:
Không.

E - KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Kiến nghị Chủ tịch UBND huyện chỉ đạo UBND xã Sin Suối Hồ chấn chỉnh trong công tác quản lý tài chính, ngân sách như sau:

- Chủ tịch UBND xã: Nghiêm túc thực hiện việc chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế đã chỉ ra ở trên; nghiêm túc thực hiện công khai ngân sách theo đúng quy định tại Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính; thường xuyên kiểm tra việc quản lý, lưu trữ hồ sơ ở lĩnh vực tài chính, ngân sách của đơn vị; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chứng từ chi ngân sách trước khi ký phê duyệt thanh toán để đảm bảo các nội dung chi ngân sách đúng quy định. Thường xuyên quản lý, quán triệt, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở công chức kế toán và công chức có liên quan thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ được giao.

- Công chức kế toán: Nghiêm túc thực hiện nghiêm quy định về công khai ngân sách theo Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính; mở đầy đủ các loại sổ kế toán cần thiết theo đúng quy định; tăng cường công tác quản lý theo dõi và thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách đảm bảo không vượt nguồn kinh phí được sử dụng; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chứng từ, điều kiện, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách đảm bảo đúng theo quy định; tăng cường công tác quản lý hồ sơ, tài liệu đảm bảo khoa học. Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác; thường xuyên nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ để tham mưu cho đơn vị đảm bảo đúng quy định pháp luật.

2. Xử lý về kinh tế:

UBND xã Sin Suối Hồ có trách nhiệm thu hồi, nộp vào ngân sách nhà nước số tiền sai phạm phát hiện qua thanh tra 68.636.140 đồng (bằng chữ: Sáu mươi tám triệu, sáu trăm ba sáu ngàn, một trăm bốn mươi đồng) *(Có biểu phụ lục kèm theo)*

3. Kiến nghị xử lý về hành chính:

Kiến nghị Chủ tịch UBND huyện chỉ đạo xử lý như sau:

- Giao cho Phòng Nội vụ huyện tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện tổ chức kiểm điểm làm rõ trách nhiệm và xử lý theo quy định đối với ông Chèo Quây Hòa - Chủ tịch UBND xã Sin Suối Hồ do có những tồn tại, hạn chế, khuyết điểm đã nêu trong Kết luận thanh tra.

- Chỉ đạo Chủ tịch UBND xã Đào San tổ chức kiểm điểm làm rõ trách nhiệm và xử lý theo quy định đối với ông Phạm Xuân Hải - Công chức kế toán UBND xã Đào San (Nguyên kế toán UBND xã Sin Suối Hồ) do có những tồn tại, hạn chế, khuyết điểm đã nêu trong Kết luận thanh tra.

- Chỉ đạo Chủ tịch UBND Sin Suối Hồ tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với ông Chèo Láo Tả - Chỉ huy trưởng quân sự xã - kiêm thủ quỹ UBND xã do có những tồn tại, hạn chế, khuyết điểm đã nêu trong Kết luận thanh tra.

4. Kiến nghị khác

- Kiến nghị Chủ tịch UBND huyện chỉ đạo Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thông huyện đăng tải Kết luận thanh tra trên Trang thông tin điện tử huyện Phong Thổ trong 20 ngày.

- Chủ tịch UBND huyện chỉ đạo UBND xã Sin Suối Hồ có trách nhiệm: Niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở làm việc của UBND xã Sin Suối Hồ 20 ngày, xây dựng kế hoạch thực hiện Kết luận thanh tra gửi Thanh tra huyện sau 10 ngày, báo cáo kết quả thực hiện gửi Thanh tra huyện Phong Thổ sau 30 ngày kể từ ngày công bố Kết luận thanh tra.

5. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kết luận thanh tra

Thanh tra huyện có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra theo quy định pháp luật về thanh tra.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc quản lý thu, chi ngân sách và các nguồn thu khác tại UBND xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ của Thanh tra huyện ./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- UBKT Huyện ủy;
- Phòng Nội vụ huyện;
- Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thông huyện;
- UBND xã Sin Suối Hồ; UBND xã Đào San;
- Lưu: VT, Hồ sơ thanh tra.

CHÁNH THANH TRA**Nguyễn Văn Lương**

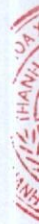
BIỂU ĐỐI CHIẾU CÁC QUYẾT ĐỊNH GIAO NGÂN SÁCH NĂM 2021
Đối với đơn vị UBND xã Sơn Suối Hồ

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 04/KL-TT ngày 29/10/2023 của Thanh tra huyện)

ĐVT: Việt Nam Đồng

Stt	Nội dung	Tổng DT được sử dụng	Chuyển nguồn năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm QĐ số 4638 bổ sung trong năm ngày 17/12/2020	Cộng ưu chính, bổ sung trong năm	Các QĐ bổ sung, điều chỉnh trong năm của UBND huyện					Ghi chú	
						QĐ số 464 ngày 19/3/2021	QĐ số 884 ngày 19/5/2021	QĐ số 1050 ngày 25/5/2021	QĐ số 1981 ngày 31/8/2021	QĐ số 2143 ngày 14/9/2021		QĐ số 4588 ngày 27/12/2021
A	B	1=2+3+4	2	3	4=5+6+7+8+9+10	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng cộng	7.297.896.000	121.000.000	6.250.000.000	926.896.000	281.000.000	40.000.000	470.000.000	(8.000.000)	41.000.000	102.896.000	-
I	THU TRÊN ĐỊA BÀN	18.938.679		13.000.000								
II	CHI THUƠNG XUYN VÀ CHƯƠNG TRÌNH CÓ MỤC TIÊU	7.278.957.321	121.000.000	6.237.000.000	926.896.000	281.000.000	40.000.000	470.000.000	(8.000.000)	41.000.000	102.896.000	
I	Chi Quốc phòng - An ninh	444.000.000		444.000.000								
a	Quốc Phòng	381.000.000		381.000.000								
	Trong đó bao gồm:											
-	Chi để phụ cấp dân quân tu vệ theo ND số 03/2018/NĐ-CP	51.000.000		51.000.000								
-	Kinh phí di tản chiến đấu phòng thủ trên địa bàn xã	40.000.000		40.000.000								
-	Kinh phí huấn luyện dân quân tu vệ	44.000.000		44.000.000								
b	An ninh	63.000.000		63.000.000								
2	Chi đảm bảo xã hội	3.000.000		3.000.000								
-	Kinh phí chức tho, mừng thọ theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Lai Châu	3.000.000		3.000.000								
3	Chi sự nghiệp kinh tế	835.000.000		835.000.000								
-	Hỗ trợ kinh phí hoạt động các Ban chỉ đạo	20.000.000		20.000.000								
-	Kinh phí thực hiện sửa chữa tu sửa cơ sở cơ quan nhà nước, mua sắm trang thiết bị (Nguồn bổ sung có mục tiêu)	115.000.000		115.000.000								
+	Kinh phí mua máy vi tính để bàn	30.000.000		30.000.000								
+	Kinh phí mua máy vi tính xách tay (phục vụ họp trực tuyến)	15.000.000		15.000.000								
+	Kinh phí mua máy in	10.000.000		10.000.000								
+	Kinh phí mua máy photocopy	60.000.000		60.000.000								
-	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-HĐND về xây dựng NTM gắn với du lịch nông thôn tại một số bản trên địa bàn giai đoạn 2020-2025 (Nguồn bổ sung có mục tiêu)	700.000.000		700.000.000								
4	Sự nghiệp văn hóa	77.000.000		77.000.000								
-	Hỗ trợ các hoạt động văn hóa, TDTT, tổ chức ngày hội văn hóa các dân tộc	65.000.000		65.000.000								
-	Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tư tưởng Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 241-QĐ/TU ngày 30/9/2016 (Kinh phí hỗ trợ tổ văn nghệ thôn, bản)	12.000.000		12.000.000								
5	Chi quản lý nhà nước	3.120.061.321	121.000.000	3.013.000.000	(8.000.000)							
	Trong đó bao gồm:											
-	Phụ cấp kiêm nhiệm của ban kinh tế hội đồng nhân dân	9.000.000		9.000.000								
-	Kinh phí hỗ trợ thuê nhà ở, hỗ trợ đi lại, hỗ trợ sinh hoạt phí cho cán bộ luân chuyển thực hiện theo Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu	22.000.000		22.000.000								
-	Kinh phí kiểm soát thủ tục hành chính (theo Quyết định số 24/2013 ngày 24/9/2013	8.000.000		8.000.000								
-	Kinh phí tu sửa pháp luật	2.000.000		2.000.000								
-	Kinh phí hoạt động HĐND (theo Nghị quyết 45/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của HĐND tỉnh)	140.000.000		140.000.000								
-	Kinh phí công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và công tác hòa giải ở cơ sở (theo NQ 118/2014/NQ-HĐND và QĐ 01/2015/QĐ-UBND của tỉnh Lai Châu)	30.000.000		30.000.000								
-	Kinh phí nâng cấp, bảo trì phần mềm kế toán xã	6.000.000		6.000.000								
-	Kinh phí thực hiện chỉnh sách hỗ trợ công chức, viên chức, người lao động làm việc tại bộ phận một cửa	23.000.000		23.000.000								
-	Hỗ trợ hoạt động công tác phát triển du lịch (Tiếp khách, tuyên truyền quảng bá du lịch)	100.000.000		100.000.000								
-	Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các thôn, bản, tổ dân phố để thực hiện chỉ trả cho người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, bản, tổ dân phố	130.000.000		130.000.000								
-	Kinh phí thực hiện Đề án 241-QĐ/TU duy trì, nâng cấp các trạm truyền thông không dây của các xã, duy trì sim-4G phát sóng nhanh	122.000.000		122.000.000								

Stt	Nội dung	Tổng DT được sử dụng	Chuyển nguồn năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm QĐ số 4638 ngày 17/12/2020	Cộng điều chỉnh, bổ sung trong năm	Các QĐ bổ sung, điều chỉnh trong năm của UBND huyện					Ghi chú	
						QĐ số 464 ngày 19/3/2021	QĐ số 884 ngày 19/5/2021	QĐ số 1050 ngày 25/5/2021	QĐ số 1981 ngày 31/8/2021	QĐ số 2143 ngày 14/9/2021		QĐ số 4588 ngày 27/12/2021
	Kinh phí tổ chức Đại hội chức thấp độ	20.000.000		20.000.000								
	Kinh phí duy trì ISO	5.000.000		5.000.000								
	Kinh phí tiếp dân theo QĐ 39/2017 của UBND tỉnh	5.000.000		5.000.000								
	Phụ cấp Đại biểu HĐND	150.000.000		150.000.000								
	Kinh phí chi thường xuyên khác của UBND xã, thị trấn (đã bao gồm: hỗ trợ công tác tuyến quản, kinh phí xây dựng văn kiện, kế hoạch sẵn sàng chiến đấu, kinh phí hỗ trợ mua số rà soát hộ nghèo, kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán, kinh phí mua bình phòng cháy, kinh phí bảo hiểm cháy nổ trụ sở, kinh phí tổ chức các cuộc hội nghị, cuộc họp, hỗ trợ kinh phí điện, nước; Kinh phí tiêm chủng, thuốc bao dịch vụ; KP liên thường, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn; Kinh phí đặc thù khác, chi thường xuyên khác theo quy định)	333.000.000		341.000.000	(8.000.000)				(8.000.000)			
	Kinh phí tiết kiệm: 10% chi thường xuyên để thực hiện CCTL	17.000.000		17.000.000								
6	Chi ngân sách Đảng	640.000.000		640.000.000								
	Trong đó bao gồm:											
	Kinh phí phụ cấp cấp ủy theo QĐ số 169-QĐ/TW	75.000.000		75.000.000								
	Kinh phí quy chế dân chủ, ban dân vận	10.000.000		10.000.000								
	Kinh phí hoạt động công tác Đảng theo QĐ 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 (Đã bao gồm kinh phí chi Đại hội chi bộ cơ sở)	85.000.000		85.000.000								
	Kinh phí hỗ trợ tổ dân vận xã, phường Theo Thông báo số 1268-TB/TU	3.000.000		3.000.000								
7	Đoàn thể	970.000.000		970.000.000								
	Trong đó bao gồm:											
	Chi hoạt động của ban thanh tra nhân dân - Ban giám sát đầu tư công đồng (Stđ/năm)	5.000.000		5.000.000								
	Khoản kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã (bao gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên công sản Hồ Chí Minh) quy định tại Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND tỉnh Lai Châu	22.000.000		22.000.000								
	Kinh phí hỗ trợ UBMT tổ quốc cấp xã và ban công tác mặt trận ở khu dân cư theo Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND tỉnh Lai Châu	80.000.000		80.000.000								
	Kinh phí tổ chức đại hội người cao tuổi	27.000.000		27.000.000								
	Kinh phí tổ chức đại hội Liên hiệp phụ nữ	30.000.000		30.000.000								
	Kinh phí thực hiện chính sách người uy tín thôn, bản theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg	10.000.000		10.000.000								
8	Kinh phí bầu cử HĐND các cấp	90.000.000		90.000.000								
9	Chi khác ngân sách (Kinh phí hoạt động công tác tôn giáo)	45.000.000		45.000.000								
10	Dự phòng ngân sách	120.000.000		120.000.000								
11	Hỗ trợ hộ dân có hoàn cảnh khó khăn sửa chữa nhà	470.000.000		470.000.000				470.000.000				
12	Máy lễ phục cho đại biểu HĐND	41.000.000		41.000.000				41.000.000				
13	Kinh phí hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo bị ảnh hưởng bởi thiên tai sửa chữa nhà ở	40.000.000		40.000.000				40.000.000				
14	Các hộ dân bị thiệt hại do mưa đá, giông lốc	281.000.000		281.000.000				281.000.000				
15	Chi công tác bầu cử	102.896.000		102.896.000				102.896.000				102.896.000



BIỂU ĐỐI CHIẾU CÁC QUYẾT ĐỊNH GIAO THU NGÂN SÁCH NĂM 2022

Đối với đơn vị: UBND xã Sin Suối Hồ

(Kèm theo Kết luận thanh tra số **04/KL-TT** ngày **24/10/2023** của Thanh tra huyện)



ĐVT: Việt Nam Đồng

Stt	Nội dung	Tổng DT được sử dụng	Chuyển nguồn năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm QĐ số 4368 ngày 19/12/2021	Cộng dự toán, điều chỉnh, bổ sung trong năm	Các QĐ bổ sung, điều chỉnh trong năm của UBND huyện						QĐ 07 ngày 31/01/2023 của UBND xã Sin Suối Hồ	Ghi chú
						QĐ số 1128 ngày 23/5/2022	QĐ số 2926 ngày 19/10/2022	QĐ số 2925 ngày 19/10/2022	QĐ số 3139 ngày 25/11/2022	QĐ số 3289 ngày 20/12/2022	QĐ số 2068 ngày 20/12/2022		
A	B	1=2+3+4	2	3	4=5+6+7+8+9	8	6	7	5	8	9	10	11
	Tổng công	11.347.216.668	1.570.000	5.419.000.000	5.926.646.668	18.169.000	45.546.000	4.181.150.000	21.841.000	54.330.000	1.736.000.000	(130.389.332)	-
I		13.000.981		13.000.000									
II	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	5.277.220.687	1.570.000	5.406.000.000	(130.348.332)	18.169.000	45.546.000	4.181.150.000	21.841.000	54.330.000	1.736.000.000	(130.389.332)	
1	Chi đảm bảo xã hội	22.000.000		22.000.000	-								
-	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Lai Châu	12.000.000		12.000.000	-								
-	Kinh phí hỗ trợ mua số theo dõi hộ nghèo, công tác rà soát hộ nghèo	10.000.000		10.000.000	-								
2	Chi sự nghiệp kinh tế	174.000.000		175.000.000	(1.000.000)							(1.000.000)	
	Trong đó đã bao gồm:				-								
2.1	Sự nghiệp kinh tế khác	25.000.000		25.000.000	-								
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động các Ban chỉ đạo			25.000.000	-								
2.2	Kinh phí mua sắm tài sản	50.000.000		50.000.000	-								
-	Kinh phí mua sắm tập trung bao gồm:				-								
+	Kinh phí mua máy vi tính để bàn (15 triệu đồng/bộ) x 02 bộ			30.000.000	-								
+	Kinh phí mua máy in (10 triệu đồng/cái) x 02 cái			20.000.000	-								
2.3	Bổ sung kinh phí sự nghiệp môi trường	99.000.000		100.000.000	-								
-	Hỗ trợ xã, thị trấn 100 triệu đồng/năm để thực hiện các nhiệm vụ chỉ về bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 (Nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã theo Khoản 5, Điều 1, NQ số 44)	99.000.000		100.000.000	(1.000.000)							(1.000.000)	
3	Sự nghiệp văn hóa	70.000.000		70.000.000	-								
-	Hỗ trợ các hoạt động văn hóa, TDTT, tổ chức ngày hội văn hóa các dân tộc	50.000.000		50.000.000	-								
-	Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tư tưởng Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 241-QĐ/TU ngày 30/9/2016 (Kinh phí hỗ trợ 2 triệu đồng/tổ văn nghệ thôn, bản)	20.000.000		20.000.000	-								
4	Chi quản lý nhà nước	2.751.751.262	1.570.000	2.771.000.000	(20.817.757)							(20.817.757)	
-	Lương, các khoản phụ cấp và đóng góp cán bộ chuyên trách cấp xã	1.506.570.000	1.570.000	1.505.000.000	-								
-	Phụ cấp cán bộ không chuyên trách quy định tại Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND tỉnh Lai Châu	416.000.000		416.000.000	-								
-	Phụ cấp kiêm nhiệm của ban kinh tế hội đồng nhân dân	13.000.000		13.000.000	-								
-	Kinh phí hỗ trợ thuê nhà ở, hỗ trợ đi lại, hỗ trợ sinh hoạt phí cho cán bộ luân chuyển thực hiện theo Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu	22.000.000		22.000.000	-								

(Handwritten signature)

Stt	Nội dung	Tổng DT được sử dụng	Chuyển nguồn năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm QĐ số 4368 ngày 19/12/2021	Cộng dự toán, điều chỉnh, bổ sung trong năm	Các QĐ bổ sung, điều chỉnh trong năm của UBND huyện						QĐ 07 ngày 31/01/2023 của UBND xã Sin Suối Hồ	Ghi chú
						QĐ số 1128 ngày 23/5/2022	QĐ số 2926 ngày 19/10/2022	QĐ số 2925 ngày 19/10/2022	QĐ số 3139 ngày 25/11/2022	QĐ số 3289 ngày 20/12/2022	QĐ số 2068 ngày 20/12/2022		
-	Kinh phí kiểm soát thủ tục hành chính (theo Quyết định số 24/2013 ngày 24/9/2013	8.000.000		8.000.000	-								
-	Kinh phí từ sách pháp luật	2.000.000		2.000.000	-								
-	Kinh phí hoạt động HĐND (theo Nghị quyết 45/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của HĐND tỉnh)	110.000.000		110.000.000	-								
-	Phụ cấp Đại biểu HĐND	115.000.000		115.000.000	-								
-	Kinh phí công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và công tác hòa giải ở cơ sở (theo NQ 118/2014/NQ-HĐND và QĐ 01/2015/QĐ-UBND của tỉnh Lai Châu)	30.000.000		30.000.000	-								
-	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ công chức, viên chức, người lao động làm việc tại bộ phận một cửa (Gồm phụ cấp hàng tháng và tiền may trang phục theo NQ số 15/NQ-HĐND của HĐND tỉnh)	23.000.000		23.000.000	-								
-	Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các thôn, bản, tổ dân phố để thực hiện chỉ trả cho người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, bản, tổ dân phố quy định tại NQ số 14/2020/NQ-HĐND tỉnh Lai Châu (13 triệu đồng/thôn, bản, tổ dân phố)	130.000.000		130.000.000	-								
-	Kinh phí duy trì, nâng cấp các trạm truyền thông không dây của các xã, duy trì sim 4G phát sóng, phát thanh	30.000.000		30.000.000	-								
-	Kinh phí duy trì ISO	5.000.000		5.000.000	-								
-	Kinh phí tiếp dẫn theo QĐ 39/2017 của UBND tỉnh	5.000.000		5.000.000	-								
-	Kinh phí chi thường xuyên 15tr/bc: đã bao gồm cả các khoản chi: công tác phí, văn phòng phẩm, kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán; hỗ trợ công tác tuyên truyền; kinh phí tập huấn, mua bình phòng cháy, kinh phí bảo hiểm cháy nổ trụ sở; kinh phí tổ chức các cuộc hội nghị, cuộc họp, hội thi; hỗ trợ kinh phí điện, nước; Kinh phí tiền mạng, thuê bao dịch vụ; KP khen thưởng; mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn; Kinh phí đặc thù khác: Tiếp khách, tuyên truyền quảng bá du lịch và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	326.999.019		327.000.000	-								
-	Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên	9.182.243		30.000.000	(20.817.757)							(20.817.757)	
5	Chi ngân sách Đảng	763.908.959	-	766.000.000	(2.091.041)							(2.091.041)	
-	Lương, các khoản phụ cấp và đóng góp cán bộ truyền trách cấp xã	329.908.959		332.000.000	(2.091.041)							(2.091.041)	
-	Phụ cấp cán bộ không chuyên trách quy định tại Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND tỉnh Lai Châu	277.000.000		277.000.000	-								
-	Kinh phí phụ cấp cấp ủy theo QĐ số 169-QĐ/TW	54.000.000		54.000.000	-								
-	Kinh phí quy chế dân chủ, ban dân vận	10.000.000		10.000.000	-								
-	Kinh phí hoạt động công tác Đảng theo QĐ 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 (Đã bao gồm kinh phí chi Đại hội chi bộ cơ sở)	90.000.000		90.000.000	-								
-	Kinh phí hỗ trợ tổ dân vận xã, phường Theo Thông báo số 1268-TB/TU	3.000.000		3.000.000	-								
6	Đoàn thể	1.017.698.874	-	1.018.000.000	(301.126)							(301.126)	
-	Lương, các khoản phụ cấp và đóng góp cán bộ truyền trách cấp xã	487.698.874		488.000.000	(301.126)							(301.126)	



Stt	Nội dung	Tổng DT được sử dụng	Chuyển nguồn năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm QĐ số 4368 ngày 19/12/2021	Cộng dự toán, điều chỉnh, bổ sung trong năm	Các QĐ bổ sung, điều chỉnh trong năm của UBND huyện						QĐ 07 ngày 31/01/2023 của UBND xã Sin Suối Hồ	Ghi chú
						QĐ số 1128 ngày 23/5/2022	QĐ số 2926 ngày 19/10/2022	QĐ số 2925 ngày 19/10/2022	QĐ số 3139 ngày 25/11/2022	QĐ số 3289 ngày 20/12/2022	QĐ số 2068 ngày 20/12/2022		
-	Phụ cấp cán bộ không chuyên trách quy định tại Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND tỉnh Lai Châu	317.000.000		317.000.000	-								
-	Chi hoạt động của Ban thanh tra nhân dân - Ban giám sát đầu tư công đồng (5trđ/năm)	5.000.000		5.000.000	-								
-	Khoản kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã (bao gồm: ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh) quy định tại Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND tỉnh Lai Châu	22.000.000		22.000.000	-								
-	Hỗ trợ các đoàn thể tham gia các hội thi (theo Kế hoạch cấp huyện)	15.000.000		15.000.000	-								
-	Kinh phí hỗ trợ UBMT tổ quốc cấp xã và ban công tác mặt trận ở khu dân cư theo Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND tỉnh Lai Châu	106.000.000		106.000.000	-								
-	Kinh phí tổ chức đại hội Đoàn thanh niên	30.000.000		30.000.000	-								
-	Kinh phí tổ chức đại hội Hội cựu chiến binh	25.000.000		25.000.000	-								
-	Kinh phí thực hiện chính sách người uy tín thôn, bản theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg	10.000.000		10.000.000	-								
7	Chi Quốc phòng - An ninh	427.861.592	-	429.000.000	(1.138.408)	-	-	-	-	-	-	(1.138.408)	-
a	Quốc Phòng	356.000.000	-	356.000.000	-								
-	Lương cán bộ truyền trách cấp xã (đã bao gồm cả phụ cấp thâm niên, phụ cấp đặc thù cho cán bộ ban chỉ huy quân sự cấp xã Quy định tại Điều 9, 10 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020)	122.955.923		124.000.000	(1.044.077)							(1.044.077)	
-	Phụ cấp cán bộ không chuyên trách quy định tại Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND tỉnh Lai Châu	119.000.000		119.000.000	-								
-	Chế độ phụ cấp trách nhiệm của Dân quân tự vệ theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP	47.000.000		47.000.000	-								
-	Kinh phí huấn luyện dân quân tự vệ	66.000.000		66.000.000	-								
b	An ninh	73.000.000	-	73.000.000	-								
-	Phụ cấp cán bộ không chuyên trách quy định tại Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND tỉnh Lai Châu	63.000.000		63.000.000	-								
-	Hỗ trợ chi khác: Hội nghị sơ kết, tổng kết	9.905.669		10.000.000	(94.331)							(94.331)	
8	Chi khác ngân sách (Kinh phí hoạt động công tác tôn giáo)	50.000.000		50.000.000	-								
9	Dự phòng ngân sách	-		105.000.000	(105.000.000)							(105.000.000)	
III	CHI CHƯƠNG TRÌNH CÓ MỤC TIÊU	4.320.995.000	-	-	4.320.995.000	18.169.000	45.546.000	4.181.150.000	21.841.000	54.330.000	-	(41.000)	
-	Kinh phí hỗ trợ hàng tháng cho chức danh đội trưởng, đội phó dân phòng	21.841.000			21.841.000				21.841.000				
-	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho dân quân tự vệ	24.049.000			24.049.000		24.090.000					(41.000)	
-	Bổ sung kinh phí chi trả phụ cấp cấp ủy	21.456.000			21.456.000		21.456.000						
-	Kinh phí đảng viên đạt 55 tuổi đảng	4.050.000			4.050.000			4.050.000					
-	Kinh phí bảo tồn phát huy chợ truyền thống: Chợ phiên Sin Suối Hồ	3.000.000.000			3.000.000.000			3.000.000.000					
-	Kinh phí hỗ trợ đội văn nghệ xã Sin Suối Hồ	20.000.000			20.000.000			20.000.000					
-	Kinh phí hỗ trợ đội văn nghệ bán Sin Suối Hồ	20.000.000			20.000.000			20.000.000					
-	Kinh phí hỗ trợ cải tạo, sửa chữa nhà ở theo kiến trúc nhà truyền thống	800.000.000			800.000.000			800.000.000					
-	Kinh phí xây dựng mới nhà vệ sinh cho các hộ gia đình kinh doanh dịch vụ lưu trú nhà ở cho khách du lịch thuê	250.000.000			250.000.000			250.000.000					
-	Kinh phí xây dựng hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn đến điểm du lịch công đồng bản Sin Suối Hồ	50.000.000			50.000.000			50.000.000					

Stt	Nội dung	Tổng DT được sử dụng	Chuyển nguồn năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm QĐ số 4368 ngày 19/12/2021	Cộng dự toán, điều chỉnh, bổ sung trong năm	Các QĐ bổ sung, điều chỉnh trong năm của UBND huyện						QĐ 07 ngày 31/01/2023 của UBND xã Sin Suối Hồ	Ghi chú
						QĐ số 1128 ngày 23/5/2022	QĐ số 2926 ngày 19/10/2022	QĐ số 2925 ngày 19/10/2022	QĐ số 3139 ngày 25/11/2022	QĐ số 3289 ngày 20/12/2022	QĐ số 2068 ngày 20/12/2022		
-	Kinh phí hỗ trợ trồng cây phân tán	37.100.000			37.100.000			37.100.000					
	Bổ sung kinh phí tiền báo đảng	18.169.000			18.169.000	18.169.000							
	Kinh phí hoạt động đặc thù thôn bản ĐBKK theo Thông tư số 49/2012/TT-BTC; NQ số 42/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012 của HĐND tỉnh (Chi hội trên 50 người 1,5 triệu; chi hội dưới 50 người 01 triệu)	52.000.000			52.000.000					52.000.000			
	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ quy định Điểm c, Mục 2, Điều 3 Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/2018 của Bộ Tài Chính	2.330.000			2.330.000					2.330.000			
IV	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	1.736.000.000	-	-	1.736.000.000	-	-	-	-	-	1.736.000.000		
	Kinh phí nâng cấp, sửa chữa đường GTNT liên bản Trung Hồ giai đoạn 2	1.736.000.000			1.736.000.000						1.736.000.000		

TỔNG HỢP VI PHẠM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ KINH TẾ
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 04/KL-TT ngày 24/10/2023 của Thanh tra huyện)

DVT: Việt Nam Đồng

STT	Nội dung vi phạm	Tổng giá trị vi phạm		Kiến nghị xử lý								Ghi chú
		Tiền hoặc tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Kiến nghị thu hồi				Xuất toán	Giám trừ quyết toán	Xử lý khác		
				Về ngân sách nhà nước		Về cơ quan, tổ chức, đơn vị (không phải NSNN)				Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	
(1)	(2)	(3)	(4)	Tiền (Tr.đ)	Nhà, đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Tiền (Tr.đ)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	(13)
I	NĂM 2021	22.517.980		22.517.980								
1	Thanh toán thừa phụ cấp thu hút cho ông Chèo Lão Tả	2.357.180		2.357.180								
2	Mua băng zôn tuyên truyền, maket thiếu hóa đơn mua hàng	1.725.000		1.725.000								
3	Chi hỗ trợ tiền ăn cho các đại biểu tham dự Hội nghị tổng kết Hội phụ nữ thiếu danh sách ký nhận tiền	1.890.000		1.890.000								
4	Chi chúc thọ, mừng thọ vượt dự toán được sử dụng	300.000		300.000								
5	Chi công tác phí thiếu giấy đi đường	952.800		952.800								
6	Chi công tác phí thiếu giấy đi đường	5.570.200		5.570.200								
7	Chi công tác phí thiếu giấy đi đường	476.400		476.400								
8	Chi công tác phí thiếu giấy đi đường	218.800		218.800								
9	Chi công tác phí thiếu giấy đi đường	1.476.400		1.476.400								
10	Chi diễn tập chiến đấu phòng thủ vượt dự toán được sử dụng	51.200		51.200								
11	Chi hỗ trợ thù 01 ngày công cho một số thành viên BCD phòng, chống covid -19	400.000		400.000								
12	Hỗ trợ người uy tín sai đối tượng 01 người	500.000		500.000								
13	Chi thừa cho một số cá nhân làm việc trực tiếp tại thôn, bản được hỗ trợ theo Nghị Quyết 14/2021/NQ-HĐND tỉnh	300.000		300.000								
14	Chi hỗ trợ cho một số cá nhân làm việc trực tiếp tại thôn, bản được hỗ trợ theo Nghị Quyết 14/2021/NQ-HĐND tỉnh thiếu chứng từ	6.300.000		6.300.000								
II	NĂM 2022	46.118.160		46.118.160								
1	Thanh toán thừa phụ cấp thu hút cho ông Chèo Lão Tả	4.714.360		4.714.360								
2	Chi hỗ trợ vận động viên tham gia giải bóng đá tại huyện chưa đảm bảo điều kiện thanh toán	20.834.800		20.834.800								
3	Chi hỗ trợ tiền ăn cho các đại biểu tham dự Hội nghị triển khai Nghị quyết đại hội phụ nữ vượt định mức 0,5 ngày	180.000		180.000								
4	Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền xăng xe cho công dân khám tuyển nghĩa vụ sai quy định	3.300.000		3.300.000								
5	Chi hỗ trợ tiền ăn cho các đại biểu tham dự Hội nghị rà soát hộ nghèo thiếu danh sách ký nhận tiền	3.150.000		3.150.000								
6	Chi công tác phí thừa tiền ngủ và thiếu giấy đi đường	1.100.000		1.100.000								
7	Chi công tác phí thừa tiền ngủ cho một số cá nhân	150.000		150.000								
8	Chi công tác phí thừa tiền ngủ cho một số cá nhân	1.650.000		1.650.000								
9	Chi công tác phí thừa tiền ngủ cho một số cá nhân	300.000		300.000								
10	Chi công tác phí thừa tiền ngủ cho một số cá nhân	450.000		450.000								
11	Chi công tác phí thừa tiền ngủ và thiếu giấy đi đường	2.912.000		2.912.000								
12	Chi công tác phí thừa tiền ngủ và trùng công tác phí	1.152.000		1.152.000								
13	Chi công tác phí thừa tiền ngủ và thiếu giấy đi đường	900.000		900.000								
14	Chi công tác phí thừa tiền ngủ cho một số cá nhân	500.000		500.000								
15	Chi công tác phí thừa tiền ngủ cho một số cá nhân	550.000		550.000								
16	Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền xăng xe cho công dân khám tuyển nghĩa vụ sai quy định	3.600.000		3.600.000								
17	Hỗ trợ người uy tín sai đối tượng 01 người	500.000		500.000								
18	Thanh toán hỗ trợ tiền ăn cho chiến sĩ huấn luyện vượt định mức	175.000		175.000								
	Tổng cộng	68.636.140		68.636.140								

LAI CHAU